TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐG** **TỈNH KON TUM** Số: 11/2019/QĐST-DS	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *ĐG, ngày 11 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân & Gia đình thụ lý số 13/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H; sinh năm: 1988; Địa chỉ: Thôn Làng M, xã M H, huyện ĐG, tỉnh Kon Tum.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T; sinh năm: 1980; Địa chỉ: Tập thể Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên N, xã ĐM, huyện ĐG, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 11 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 11 năm 2019 là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày để từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 29/10/2015 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; thời gian chị H nuôi dưỡng cháu K và anh T đóng góp tiền phí tổn nuôi con chung: Từ ngày quyết định cho các đương sự ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi và sống tự lập được. Anh Nguyễn Văn T phải đóng góp cho chị Nguyễn Thị H tiền phí tổn nuôi con chung

một tháng 2.000.000 triệu đồng (Hai triệu đồng). Anh Nguyễn Văn T được quyền thăm nuôi con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nuôi con chung của anh T. Việc thăm nuôi con chung của anh T không được làm ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của chị H và cháu K. Vì quyền lợi của cháu Nguyễn Đăng K các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản:

+ Các đương sự không có tiền, tài sản riêng; không có tiền, tài sản cho nợ chung: Nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung.

+ Các khoản nợ riêng:

Chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả khoản nợ vay Ngân hàng CSXH huyện ĐG theo hợp đồng vay mã số 6600000710570907 ngày 21/6/2017 do chị H đứng tên vay với số tiền vay nợ gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả khoản nợ vay Ngân hàng NN&TPNT huyện Đăk Glei theo hợp đồng vay số 5106-LAV-201800729 ngày 22/8/2018 do anh T đứng tên vay với số tiền vay nợ gốc là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

- Về án phí (Thuận tình ly hôn):

Căn cứ Điều 144; Khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; Khoản 5, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án. Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T mỗi người phải nộp 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm; anh Nguyễn Văn T còn phải nộp số tiền án phí về cấp dưỡng là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) để nộp vào Ngân sách nhà nước. Chị Nguyễn Thị H được chuyển số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2010/0004606 ngày 21 tháng 8 năm 2019 thành tiền án phí; chị Nguyễn Thị H còn được nhận lại số tiền 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng), nhận tiền tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Glei tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:** **THẨM PHÁN**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐG;
- Thi hành án dân sự huyện ĐG;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.